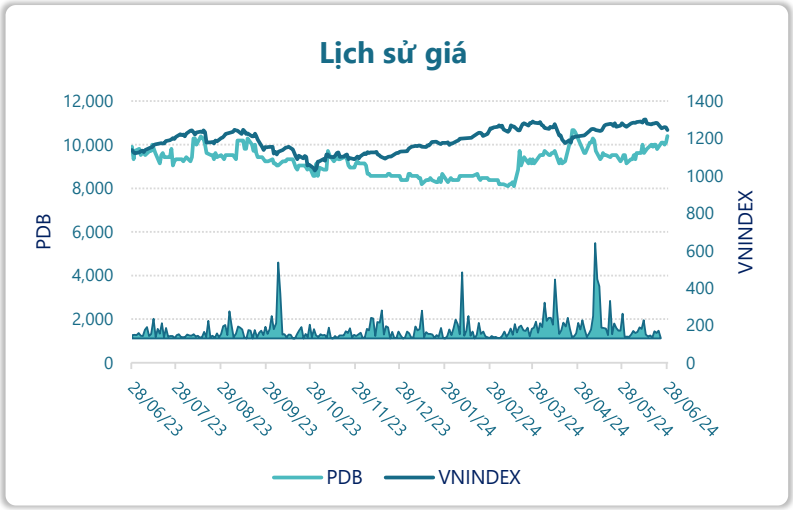
FireAnt

CTCP Tập đoàn đầu tư Din Capital (HNX: PDB)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,667
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,095
SL cổ phiếu LH	8,909,981
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,915
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	93
P/E	16.3
EPS	638

DT thuần

Q2/24

67.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.50| 8.8%

YoY: ▲ 8.90| 15.1%

LN sau thuế

Q2/24

2.35

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.34| 132%

YoY: ▼2.40| -50.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

4.7%

+/- YoY: ▼ 4.7%

DT thuần

6T 2024

130

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.8| 38.1%

LN sau thuế

6T 2024

3.35

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.15| 1599%

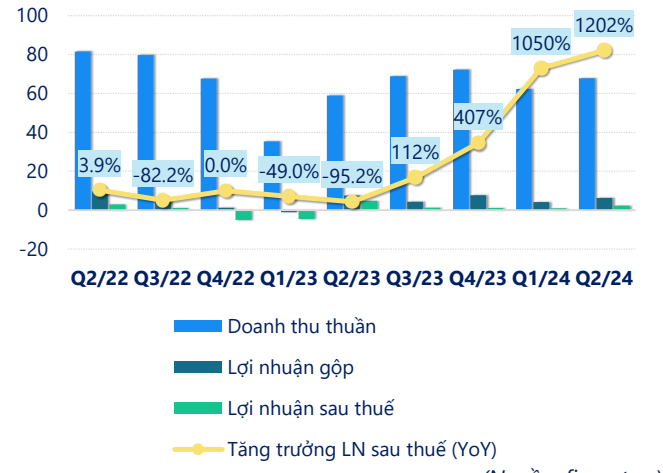
ROE

Q2/24

4.5%

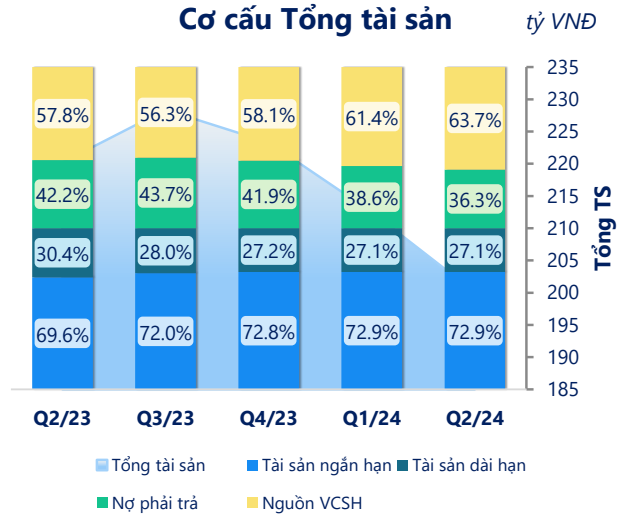
+/- YoY: ▲ 7.2%

Kết quả kinh doanh



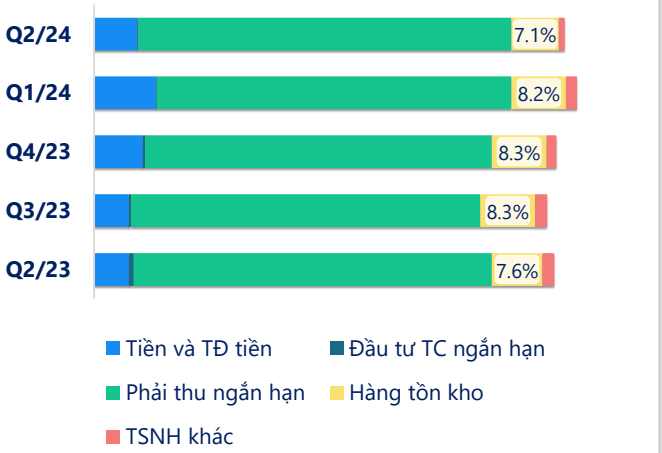
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



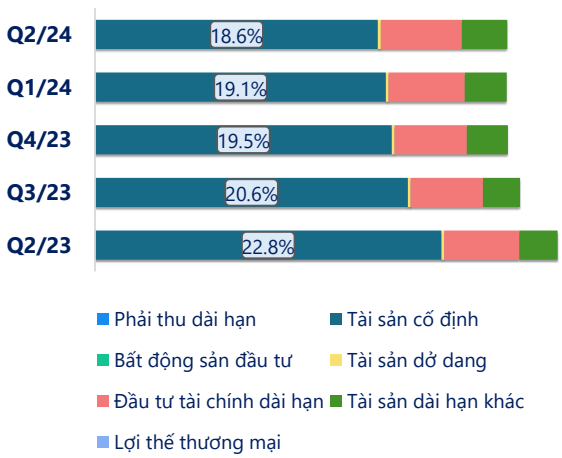
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



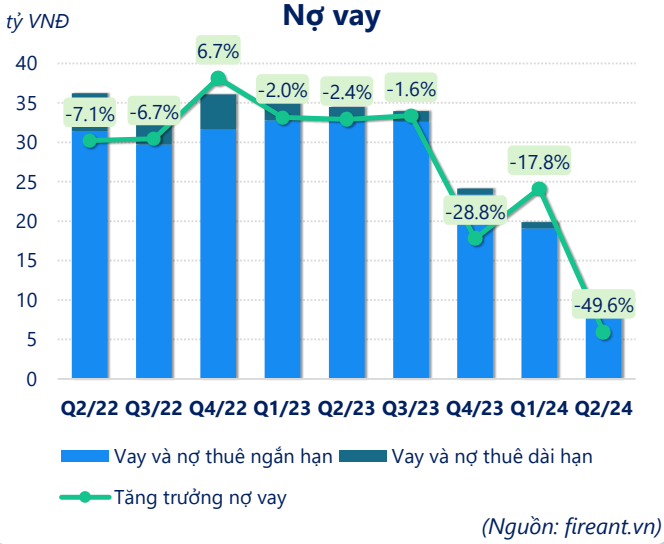
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



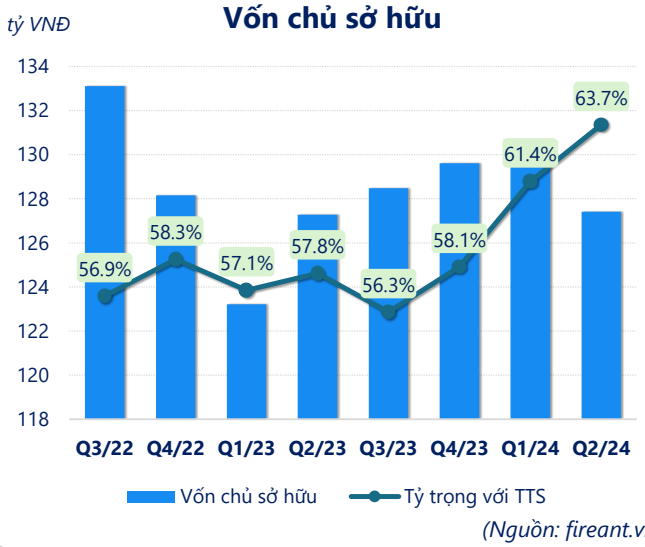
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



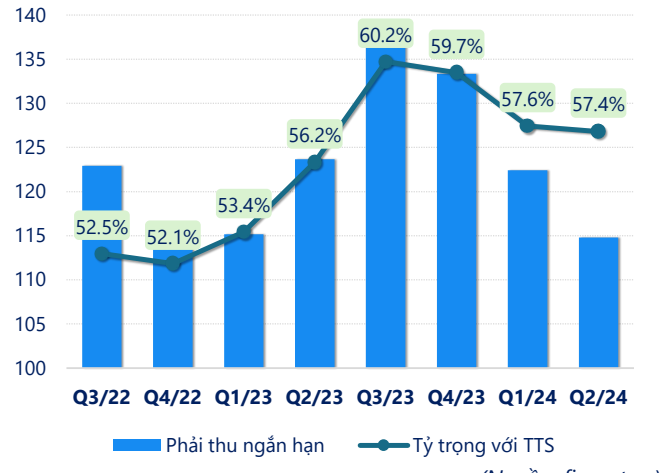
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



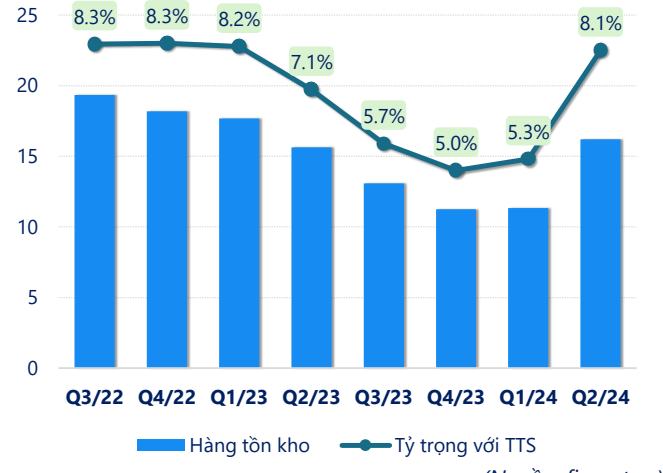
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



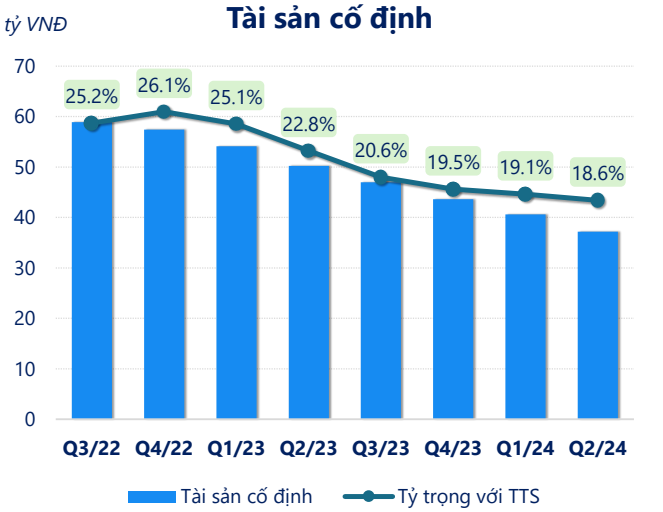
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



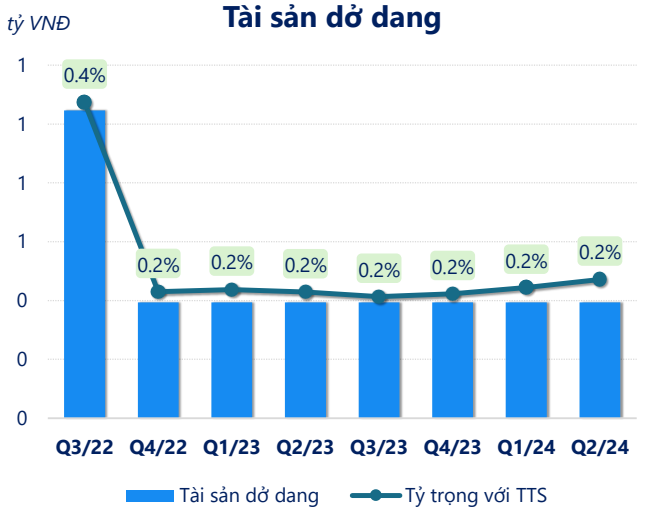
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



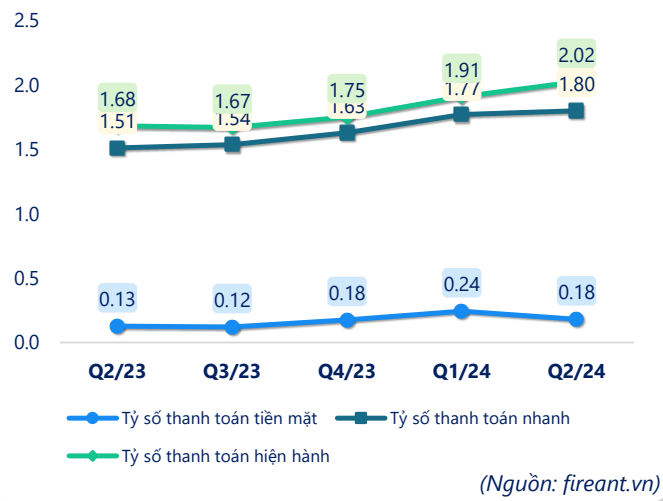
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



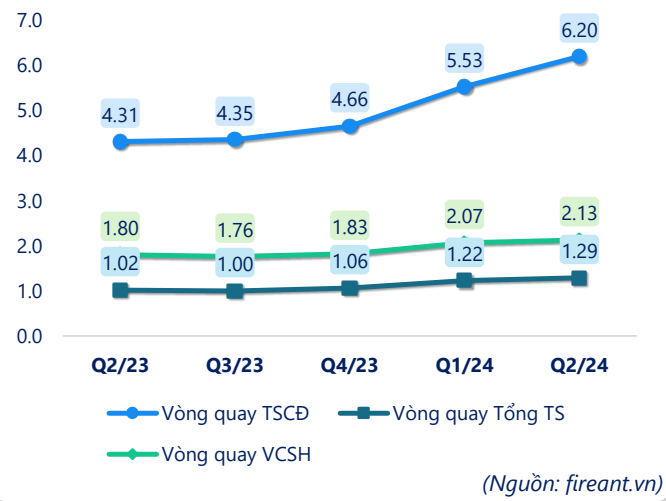
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**220**	**228**	**223**	**213**	**200**
Tài sản ngắn hạn	**153**	**164**	**163**	**155**	**146**
Tiền và tương đương tiền	11.5	11.9	16.3	19.7	13.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.31	0.31	0.37	0.01	0.01
Phải thu ngắn hạn	124	137	133	122	115
Hàng tồn kho	15.6	13.1	11.2	11.3	16.2
Tài sản ngắn hạn khác	2.04	1.82	1.32	1.43	1.74
Tài sản dài hạn	**67.1**	**63.9**	**60.7**	**57.6**	**54.3**
Phải thu dài hạn	0	0.05	0	0.05	0.05
Tài sản cố định	50.2	47.0	43.6	40.6	37.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.39	0.39	0.39	0.39	0.39
Đầu tư tài chính dài hạn	10.9	10.9	10.6	10.7	10.7
Tài sản dài hạn khác	5.55	5.59	6.02	5.89	5.98
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**92.9**	**99.9**	**93.7**	**81.9**	**72.6**
Nợ ngắn hạn	**91.0**	**98.5**	**92.9**	**81.1**	**72.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	32.6	32.6	23.4	19.1	9.37
Phải trả người bán ngắn hạn	55.6	59.2	65.0	59.1	53.3
Nợ dài hạn	1.89	1.36	0.79	0.79	0.63
Vay và nợ thuê dài hạn	1.89	1.36	0.79	0.79	0.63
Nguồn vốn chủ sở hữu	**127**	**128**	**130**	**131**	**127**
Vốn chủ sở hữu	**127**	**128**	**130**	**131**	**127**
Vốn điều lệ	89.1	89.1	89.1	89.1	89.1
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)